NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

THÀNH NGỮ CÓ YẾU TỐ CHỈ LOÀI VẬT TRONG TIẾNG VIỆT TỪ LÍ THUYẾT NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN

PHAN PHƯƠNG THANH*

TÓM TẮT: Nghĩa của thành ngữ không phải là ý nghĩa của các đơn vị từ ngữ bên trong mà thông thường là nó mang tính chất biểu trưng, khái quát hóa. Chính vì thế nghĩa của thành ngữ làm nên những phạm vi ý nghĩa rộng. Trên cơ sở những nhóm thành ngữ có yếu tố chỉ loài vật cùng biểu đạt một nội dung ý nghĩa, chúng tôi quy về một phạm trù ngữ nghĩa. Từ các phạm trù ngữ nghĩa này, chúng tôi xác lập được các miền ý niệm mà các thành ngữ biểu thị, xác lập các miền ý niệm mà các thành ngữ có yếu tố chỉ loài vật có thể bao quát đến; đi sâu nghiên cứu mối quan hệ ngữ nghĩa giữa miền nguồn và miền đích theo lí thuyết về ẩn dụ tri nhận.

TỪ KHOÁ: thành ngữ có yếu tố chỉ loài vật; ý nghĩa; biểu trưng; ẩn dụ tri nhận; phạm trù ngữ nghĩa.

NHẬN BÀI: 10/09/2023. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 21/12/2023

1. Mở đầu

Nghiên cứu ý nghĩa thành ngữ dưới góc nhìn tri nhận trong những năm gần đây đã có rất nhiều đề tài với nhiều góc độ khác nhau như: thành ngữ có yếu tố chỉ bộ phận cơ thể người dưới góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận, thành ngữ biểu thị tâm lí tình cảm từ bình diện ngôn ngữ học tri nhận… Bên cạnh đó, những công trình nghiên cứu về ngôn ngữ học tri nhận về thành ngữ có yếu tố chỉ loài vật cũng chiếm một số lượng khá nhiều.

Hiện nay nghiên cứu ngôn ngữ học tri nhận là hướng nghiên cứu đang được nhiều người quan tâm. Trong đó có vấn đề liên quan đến quan niệm ý nghĩa thành ngữ của ngôn ngữ học tri nhận đã bổ sung, mở rộng cho những nghiên cứu về thành ngữ theo quan niệm truyền thống. Bài viết này nghiên cứu, khảo sát các thành ngữ có yếu tố chỉ loài vật trong tiếng Việt từ lí thuyết ngôn ngữ học tri nhận.

2. Cơ sở lí thuyết

2.1. Những vấn đề lí thuyết về ẩn dụ tri nhận

2.1.1. Khái niệm về ẩn dụ tri nhận (cognitive metaphor)

Kế thừa các tư tưởng của Aristote, Richards, M.Black với các quan điểm so sánh, thay thế và tương tác, Lakoff và Johnson (1980) với tác phẩm *Metaphor We live by (Chúng ta sống trong ẩn dụ)* đã khẳng định sự hiện diện của ẩn dụ ở mọi lúc mọi nơi, trong ngôn ngữ, văn hóa và tư duy dân tộc. Hai tác giả này lần đầu tiên đã giới thiệu thành công cho các nhà ngôn ngữ học trên thế giới một quan điểm mới về lí thuyết ẩn dụ được gọi là ẩn dụ tri nhận (conceptual metaphor) (hay còn gọi là ẩn dụ ý niệm). Các tác giả cho rằng, ADTN là phương thức của tư duy, là các ánh xạ có tính chất hệ thống giữa hai miền ý niệm: *miền nguồn* và *miền đích*. Trong đó, *miền nguồn* là một phạm trù trải nghiệm được ánh xạ vào *miền đích*. Thông thường, *miền nguồn* sẽ cụ thể hơn còn *miền đích* sẽ trừu tượng hơn, chẳng hạn như: THỜI GIAN LÀ TIỀN BẠC (TIME IS MONEY), TRANH LUẬN LÀ CHIẾN TRANH (ARGUMENT IS WAR), TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH (LOVE IS A JOURNEY)… Các tác giả nhận định rằng, bản chất của ẩn dụ là việc hiểu và trải nghiệm một loại sự vật, hiện tượng này thông qua một loại sự vật, hiện tượng khác.

Lakoff và Johnson đã miêu tả ẩn dụ là một cơ chế giúp chúng ta tương tác và cảm nhận về thế giới xung quanh mình. Lí thuyết này làm cho danh tiếng Lakoff vượt ra ngoài phạm vi thuần túy ngôn ngữ học, là một báo hiệu cho thấy có một sự thay đổi lớn trong nghiên cứu về ngôn ngữ trong mối liên hệ với các ngành khoa học khác. Năm 1987, trong tác phẩm *Women, Fire and Dangerous Things (Đàn bà, lửa và những thứ nguy hiểm),* Lakoff cho rằng, chúng ta nhận thức thế giới không

**TS; Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế; Email: phanthanh10668@gmail.com*

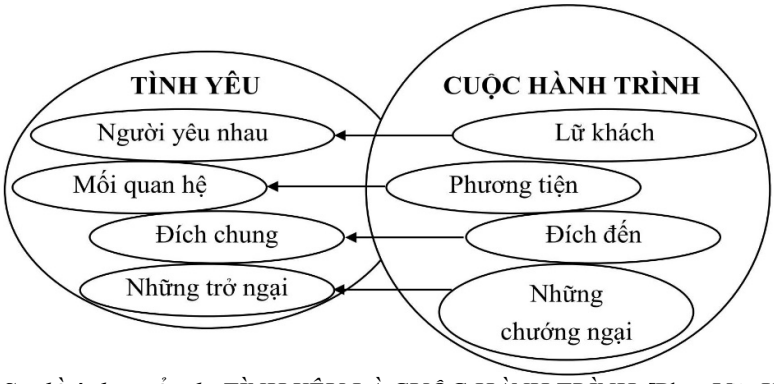
chỉ thông qua những sự vật riêng lẻ mà còn thông qua những phạm trù của các sự vật, chúng ta có khuynh hướng quy một thực thể về những phạm trù đó. Năm 1997, với công trình *Metaphor in Cognitive Linguistics (Ẩn dụ trong ngôn ngữ học tri nhận)* hai tác giả Gibbs và Centner đã đưa ra các cách đánh giá để xác định tại sao một số ẩn dụ này lại tốt hơn ẩn dụ khác, phục vụ cho mục đích nhận thức. Thông qua những phân tích có hệ thống về những biểu thức ngôn ngữ khác nhau, các tác giả đã chỉ ra cách ẩn dụ hình thành ý niệm hóa về những ý niệm trừu tượng của con người như thế nào.

2.1.2. Phân loại ẩn dụ tri nhận

Theo George Lakoff và Mark Johnson (1980), ADTN có 3 loại sau đây:

a. Ẩn dụ cấu trúc (structural metaphor):

Ẩn dụ cấu trúc là loại ẩn dụ khi nghĩa của một khái niệm này được hiểu thông qua một khái niệm khác. Nói cách khác, ẩn dụ cấu trúc là hiện tượng cấu trúc lại ý niệm ở miền ĐÍCH về mặt nghĩa sau khi nhận được những tri thức mới do ý niệm ở miền NGUỒN ánh xạ lên. Ví dụ: TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH cho phép chúng ta hiểu rằng ý niệm nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH với các nét đặc trưng như: *con đường (dài, gập ghềnh), quãng đường (gần, xa), ngã rẽ (ngã ba, ngã tư), các phương tiện đi lại (tàu, thuyền, xe cộ,...), đích đến,...,* được đem gán cho ý niệm đích TÌNH YÊU. Do đó, TÌNH YÊU lúc này cũng có những nét đặc trưng đó. Sau đây là mô hình ánh xạ ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH (phỏng theo Lakoff, 1993).



Sơ đồ 1. *Sơ đồ ánh xạ ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH* [Phan Văn Hòa, 2011]

b. Ẩn dụ định hướng (orientational metaphor):

Ẩn dụ định hướng là tổ chức cả một hệ thống ý niệm trong mối tương quan với nhau, trong đó có nhiều ẩn dụ liên quan đến việc định hướng không gian như: lên - xuống, cao - thấp, trong - ngoài, trước - sau, trên - dưới, nông - sâu. Ví dụ: *Định hướng lên - xuống:* HẠNH PHÚC LÀ HƯỚNG LÊN CAO, BUỒN LÀ HƯỚNG XUỐNG THẤP.

Thi xong, người tôi cứ <u>lâng lâng</u>. [5, tr.94]

Gặp cô ấy, tôi cảm thấy <u>bay bổng trên chín tầng mây</u>. [5, tr.94]

Ẩn dụ định hướng khác với ẩn dụ cấu trúc ở chỗ nó là một loại ẩn dụ ý niệm khi không có sự xếp đặt lại về mặt cấu trúc một ý niệm này trong thuật ngữ của một ý niệm khác, nhưng có tồn tại tổ chức của cả một hệ thống ý niệm theo mẫu của một hệ thống ý niệm nào đó khác.

c. Ẩn dụ bản thể (ontological metaphor):

Ẩn dụ bản thể là tình trạng bản thể dẫn đến các phạm trù chung của các khái niệm đích trừu tượng. Hay chúng ta thường diễn đạt trải nghiệm của chúng ta dưới dạng sự vật, chất liệu, vật chứa. Ví dụ:

- *Tôi không dính líu <u>vào</u> cuộc cãi vã này*. [5, tr.92]
- *Tôi đứng <u>ngoài</u> cuộc cãi vã của họ*. [5, tr.92]

2.1.3. Mô hình tri nhận

Theo lí thuyết của Lakoff, mô hình tri nhận là phương thức tri nhận được hình thành trên cơ sở các tác động tương hỗ giữa con người với thế giới bên ngoài, tạo thành các phương thức tổ chức và biểu đạt kinh nghiệm của con người, vì vậy Lakoff gọi đây là mô hình tri nhận ý tưởng hóa. Dựa vào lập luận của Lakoff (1987) ta có ba kiểu mô hình tri nhận thường gặp trong quá trình ý niệm hóa, đó là:

- Mô hình cấu trúc mệnh đề: cấu trúc tri thức về quan hệ giữa ý niệm với ý niệm được biểu hiện bằng mô hình mệnh đề.
- Mô hình sơ đồ hình ảnh: mọi sơ đồ hình ảnh đều liên quan đến cấu trúc không gian, vì vậy mọi kiến thức có liên quan đến quan hệ không gian, sự chuyển dịch, hình dạng đều được lưu giữ bằng loại mô hình này.
- Mô hình ẩn dụ: một mệnh đề hay một sơ đồ hình ảnh hình thành một mô hình ẩn dụ dựa trên cấu tạo tương ứng của một phóng chiếu từ vùng tri nhận này lên vùng tri nhận khác. Mô hình ẩn dụ được dùng để ý niệm hóa, giải thích và suy luận về các sự vật trừu tượng. [8, tr.122].

Mô hình tri nhận giúp chúng ta lí giải các hiện tượng ngữ nghĩa và các ý niệm, có ý niệm được giải thích trực tiếp nhưng có những ý niệm phức tạp cần sử dụng mối quan hệ giữa chúng với các ý niệm trực tiếp mà ẩn dụ là điển hình.

2.2. Cơ sở lí thuyết

2.2.1. Quan niệm về thành ngữ

Có thể tìm thấy khá nhiều quan niệm về thành ngữ tiếng Việt được các nhà nghiên cứu trình bày trong các sách nghiên cứu cũng như trong tạp chí ngôn ngữ. Về cơ bản, các quan niệm đều có nội dung chính, nêu rõ đặc điểm của thành ngữ là những cụm từ cố định. Có thể nêu ra một số quan niệm như:

Định nghĩa trong từ điển:*"Thành ngữ là tập hợp từ cố định quen dùng có ý nghĩa định danh gọi tên sự vật, thường không thể suy ra từ nghĩa của từng yếu tố cấu tạo thành và được lưu truyền trong dân gian và văn chương"*. [Nguyễn Như Ý chủ biên, 1999];*"Thành ngữ là một tập hợp từ cố định đã quen dùng, mà nghĩa thường không được giải thích được một cách đơn giản bằng nghĩa các từ tạo nên nó"* [Hoàng Phê chủ biên, 2002].

Định nghĩa trong các công trình nghiên cứu: *"Thành ngữ là những cụm từ cố định vừa có tính hoàn chỉnh về nghĩa, vừa có tính gợi cảm"*. [Nguyễn Thiện Giáp, 2003 tr.77]; *"Thành ngữ là một loại tổ hợp từ cố định, bền vững về hình thái - cấu trúc, hoàn chỉnh và bóng bẩy về ý nghĩa được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp hàng ngày, đặc biệt là trong khẩu ngữ"*. [Hoàng Văn Hành, 2004, tr.27].

Các quan niệm về thành ngữ của các tác giả nêu trên mặc dù có đôi chỗ chưa thống nhất nhưng là những cơ sở để nhận diện thành ngữ: thành ngữ là những cụm từ cố định có kết cấu ổn định, chặt chẽ, bất biến không thể tách rời nhau và là đơn vị có sẵn trong kho từ vựng tiếng Việt. Mỗi thành ngữ có một ý nghĩa nhất định, hoàn chỉnh dùng để gọi tên sự vật, trạng thái, tính chất, hành động,...

2.2.2. Quan niệm về nghĩa thành ngữ trong ngôn ngữ học tri nhận

Nghĩa của thành ngữ theo quan điểm của ngôn ngữ học truyền thống được coi là nghĩa biểu trưng. Từ góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận, nghĩa của thành ngữ cho rằng, khi con người tiếp cận với thế giới sẽ hình thành nên những biểu trưng của hình ảnh về thế giới, và khi đó con người sẽ kết hợp những hình ảnh biểu trưng ấy để tạo ra một ý nghĩa mới có thể mang tính ẩn dụ hoặc tính hoán dụ trong thành ngữ. Cụ thể hơn, quan niệm tri nhận về thành ngữ cho rằng khi con người tiếp cận với thế giới sẽ hình thành nên những biểu trưng của hình ảnh về thế giới và khi đó con người sẽ kết hợp lại những hình ảnh biểu trưng ấy để tạo ra một ý nghĩa mới có thể mang tính ẩn dụ hoặc tính hoán dụ trong thành ngữ. Ví dụ:

Thành ngữ *Tan đàn xẻ nghé* có miền nguồn LOÀI VẬT và miền đích CON NGƯỜI:

Miền nguồn ⟶ Miền đích

Loài vật ⟶ Con người
Mối quan hệ bầy đàn ⟶ Mối quan hệ xã hội (gia đình, làng xóm…) của con người

Có thể nói, nghĩa của thành ngữ theo quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận liên quan đến những miền kích hoạt trong bộ não con người và làm cho con người liên tưởng đến và tạo ra những ý nghĩa ẩn dụ, và nghĩa ẩn dụ này phải dựa vào ngữ cảnh và tình huống. Nghĩa của thành ngữ dưới góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận được xây dựng trên cơ sở của ẩn dụ tri nhận, tức là nghĩa của thành ngữ được dựa trên kinh nghiệm thân thể của con người. Mối liên hệ của ẩn dụ tri nhận từ miền nguồn và miền đích trong thành ngữ được hình thành dựa trên cơ sở là sự nghiệm thân của con người với những hiện tượng về sự vận động của thế giới khách quan.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Về nghĩa tri nhận văn hóa

Thế giới động vật đóng một vai trò quan trọng trong đời sống của mỗi dân tộc. Những con vật được sử dụng trong thành ngữ phần lớn là những con vật gắn liền với đời sống nông nghiệp trồng lúa nước. Qua khảo sát cho thấy, hầu hết các đặc điểm tính chất của loài vật được phản ánh trong thành ngữ đều nói đến con người. Người Việt Nam thường mượn hình tượng các loài vật để nói về con người như vẻ xấu, đẹp, tính lành dữ, v.v. Ở nội dung này, chúng tôi sẽ tìm hiểu nghĩa tri nhận văn hóa được thể hiện trong thành ngữ có yếu tố chỉ loài vật trong tiếng Việt.

Kết quả thống kê và phân loại các loài vật xuất hiện trong thành ngữ cho thấy, không phải ngẫu nhiên mà các loài vật lại xuất hiện rất nhiều trong thành ngữ tiếng Việt. Chẳng hạn:

Hình ảnh con trâu trong thành ngữ: Với cư dân nông nghiệp ngày xưa, con trâu là cả một khối tài sản vật chất khổng lồ, "con trâu là đầu cơ nghiệp". Thậm chí ngay cả những người thuộc tầng lớp trên trong xã hội cũng xem *trâu* là "thước đo" của sự giàu sang, ví dụ:*"Chín đụn mười (con) trâu"*, "*Trâu dắt ra, bò dắt vào", "Ruộng sâu trâu nái"*. Bên cạnh việc cưới vợ, làm nhà thì "tậu trâu" rõ ràng là việc lớn đối với mỗi gia đình. Trong nhận thức về loài vật của người Việt thì nhận thức về con trâu là sớm nhất và đầy đủ nhất. Việt Nam là nước nông nghiệp điển hình, trâu là con vật có vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, và công việc chính của con trâu như cày bừa, vận chuyển thóc gạo và làm việc vất vả, nặng nhọc như:*"Trâu cày ngựa cưỡi"*. Thành ngữ thường lấy hình ảnh con trâu để nhận xét về các quan hệ trong xã hội, ngày xưa các thế lực thống trị thường tranh chấp làm cho dân tình khốn khổ như: *"Trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết"*; hay để biểu thị sự so kè, ghen ghét nhau của các quan chức thời phong kiến như: *"Trâu buộc ghét trâu ăn"*. Con trâu có đặc tính là tai không thính để nói về vấn đề có tính triết lí nhân sinh, nói với người không hiểu biết như *"Đàn gảy tai trâu"*. Như vậy, qua thành ngữ thì hình ảnh con trâu đã phản ánh một cách rõ nét và đầy đủ các khía cạnh văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Con trâu là một kho tàng sống động về sinh hoạt làng quê và phong tục tập quán gắn với nghề nông của người dân Việt Nam.

Hình ảnh con chó trong thành ngữ: Chó là con vật có những đặc điểm quý như: trung thành, thông minh, nhanh nhẹn, dễ nuôi… vì những đức tính ấy chó được nuôi để giữ nhà, săn bắt cho chủ. Chó gần gũi với đời sống con người. Chính vì thế, cùng là loài vật nuôi nhưng chó được con người nuôi trong nhà, còn trâu, bò, gà, vịt phải làm chuồng riêng. Chó đi từ vật chất đến đời sống văn hóa tâm linh của người Việt mấy ngàn năm nay. Người Việt xưa tin rằng *"Chó sủa ma","Chó cắn ma"* trong quan niệm của người ta con chó cảm nhận được thế giới tâm linh, con người tuy không thấy được bóng ma, nhưng con chó có thể thấy được nên nó cứ sủa dai dẳng như vậy và người xưa tin rằng nó có thể xua đuổi được tà ma. Vì vậy, trước đây, ở cổng làng, cổng xóm mỗi làng Việt đều có tượng chó đá canh giữ để thể hiện sự tôn nghiêm về mặt tâm linh. Hình ảnh con chó in đậm nét văn hóa cổ truyền Việt Nam. Tiếng chó sủa cùng với tiếng gà gáy là âm thanh quen thuộc của cuộc sống nông thôn Việt Nam. Trong kho tàng dân gian nói chung và thành ngữ nói riêng, hình ảnh con chó được nói đến nhiều hơn cả. Chúng ta đã từng thấy con chó bị ghẻ, nó rất gầy, lông lá tuốt sạch, ghẻ mọc lở loét khắp mình thì làm sao mà có mỡ huống gì là mỡ ở đuôi như: *"Chó ghẻ có mỡ đằng đuôi"* bằng sự quan sát hết sức tinh tế như thế người xưa dùng hình ảnh con chó ghẻ để ví loại người thích khoe mẽ; hay dân gian có thành

ngữ *"Trốn như chó cái trốn con"* vì khi lũ chó con đã lớn thì chúng bú rất mạnh, vì thế chó mẹ thường phải trốn lũ chó con khỏi quấy, hình ảnh này dùng để ví người xấu tính hay trốn lủi, để cho người khác làm việc. Khi con chó bị dại nó rất hung tợn, và nó không kiểm soát được hành vi của mình nên hay cắn lung tung như: *"Chó dại cắn càn"* thể hiện tâm lí khó chịu của người khi gặp điều bực bội. Dân gian Việt Nam đã mượn hình ảnh con chó có nhiều cách ví von khi thì nhẹ nhàng có lúc lại thâm thúy sâu xa.

Hình ảnh con gà trong thành ngữ: Từ xa xưa, con gà với người dân Việt đặc biệt trở nên thân thiết và gắn bó với nhau một cách thân thương, quen thuộc. Theo quan niệm dân gian của người Việt từ bao đời nay, các hiện tượng bất thường như: chim sa, cá nhảy, chó tru, gà mái biết gáy… đều là những điềm báo xấu. *"Gà mái gáy gở"*, có nơi cho rằng gà mái gáy là do bếp bị "đông" hoặc trong nhà sắp có người ốm đau, bệnh tật. Từng hoạt động, cử chỉ của con gà được người nông dân quan sát một cách tỉ mỉ và những hình ảnh đó được thể hiện qua thành ngữ như: dựa vào trạng thái bươi, bới của con gà được dùng để phê phán, chê trách một loại người nào đó, một tính cách nào đó: *"Lép bép như gà mổ tép"* để nói về người có tính hay đưa chuyện; *"Chân gà lại bới ruột gà"* ý nói tự mình lại bới móc chuyện nhà mình, hoặc làm hại chính người thân quen ruột thịt của mình; *"Chữ như gà bới"* ví người có chữ viết nghệch ngoạc, nát vụn, rời rạc không thành chữ. Gà còn được dùng để biểu thị tính cách và đặc điểm hoạt động của con người: *"Đẻ như gà" "Đẻ như gà"* để nói về người phụ nữ mắn đẻ. *"Chửi như mất gà"* để chỉ người tức giận mà chửi nhiều cho bõ tức, v.v.

Hình ảnh con hổ: Ngoài tên thường gọi là hổ còn có các tên gọi khác: cọp, khái, kễnh, hùm. Sở dĩ hổ thường được gọi với nhiều tên như thế vì con người rất sợ loài thú dữ này. Nên thời xưa, khi con người vào rừng đốt than lấy củi thường lập miếu thờ hổ, và gọi nó là chúa sơn lâm. Hổ có sức mạnh tự nhiên, to khỏe, dữ tợn, táo bạo, liều lĩnh đối địch với nhiều thú hung dữ nên được các loài vật tôn xưng là chúa của núi rừng như: *"Mạnh như hổ", "Khỏe như hùm"*. Dân gian Việt Nam coi hổ là loài vật linh thiêng, có thể ngăn ngừa ma quỷ, giúp con người diệt trừ những tai họa, những điều không may đem đến cho con người. Chính vì thế, trong những dịp Tết nguyên đán người dân thường dán trước nhà ảnh con hổ hay trước đình miếu thường có bức bình phong hình con hổ giúp trấn giữ đình miếu, nhà cửa với miền tin là xua đuổi những điều xui xẻo, không may hay ác quỷ vào nhà (*Dữ như cọp).*

3.2. Mô hình ẩn dụ tri nhận

Từ những đặc điểm phân tích nghĩa tri nhận văn hóa trong thành ngữ có yếu tố chỉ loài vật trong tiếng Việt có thể quy ý nghĩa của thành ngữ về miền ý niệm CON NGƯỜI. Trong các miền này có thể xác lập các tiểu miền ý niệm về CON NGƯỜI gồm: tâm lí tình cảm, tính chất, ngoại hình, hoạt động. Miền ý niệm CON NGƯỜI có nội dung bao quát. Từ cách tư duy tự ngã trung tâm, con người thường nhìn các sự vật, hiện tượng, trạng thái bên ngoài liên tưởng về mình. Chính vì vậy thành ngữ sử dụng các yếu tố khác ngoài con người để nói về con người chiếm số lượng lớn, và thành ngữ có yếu tố chỉ loài vật cũng không đi ra ngoài điều này.

Trong 695 thành ngữ có yếu tố chỉ loài vật của tiếng Việt mà chúng tôi thu thập được có đến 230 thành ngữ nói về miền ý niệm CON NGƯỜI bao gồm 4 tiểu miền: tính chất, tâm lí tình cảm, ngoại hình, hoạt động của con người.

Bảng 1. *Mô hình ánh xạ từ miền nguồn loài vật (trong thành ngữ) đến các miền đích trong tiếng Việt*

Miền nguồn	Miền đích		Tần số xuất hiện	Tỉ lệ (%)
LOÀI VẬT	Con người	1.Tâm lí tình cảm	96	41,74
		2.Tính chất	81	35,22
		3.Hoạt động	33	14,35

		4.Ngoại hình	20	8.70
		Tổng cộng	**230**	**100%**

Nhận xét:

Về miền ý niệm CON NGƯỜI, chúng tôi thấy có 4 tiểu miền: tâm lí tình cảm, tính chất của con người, hoạt động của con người, ngoại hình của con người, trong đó tiểu miền tâm lí tình cảm chiếm số lượng 41,75% cao nhất, tiếp đến là tiểu miền tính chất của con người với số lượng 35,22%, bên cạnh đó ở tiểu miền hoạt động của con người cũng có số lượng đáng kể là 14,35% và thấp nhất là tiểu miền ngoại hình của con người với số lượng là 8,70%.

a) Thành ngữ có yếu tố chỉ loài vật được dùng để nói về tâm lí tình cảm của con người

Có 96 thành ngữ liên quan đến bốn tiểu miền: buồn, sợ, giận, vui.

- Tiểu miền trạng thái tâm lí buồn

Mô hình ánh xạ: HOẠT ĐỘNG HAY TÌNH TRẠNG CỦA LOÀI VẬT LÀ TRẠNG THÁI TÂM LÍ BUỒN CỦA CON NGƯỜI.

Ví dụ: *"Lui thủi như chó cụp đuôi"; "Tâng hẫng như chó cụp tai"; "Thất thểu như cò phải bão"; "Con ruồi đậu mép không buồn đuổi"*.

Với sự quan sát hết sức tinh tế và sự trải nghiệm của con người thông qua những sự vật, hiện tượng hay hoạt động của loài vật như: cụp đuôi, cụp tai, dáng đi thất thểu… được người dân Việt Nam dùng để thể hiện trạng thái tâm lí buồn bã của con người. Người Việt Nam đã mượn hình ảnh chó *cụp* đuôi vào giữa hai chân thể hiện tâm trạng buồn bã, ủ rũ của con người, hay hình ảnh con ruồi *đậu* ở mép rất khó chịu nhưng do chán chường mà không thèm xua đi, ẩn dụ cho trạng thái tâm lí buồn chán, ủ rủ, không muốn làm gì cả. Hay hình ảnh con cò ủ rũ vì không thể kiếm ăn được trong ngày mưa bão. Bên cạnh đó khi bị châu chấu *cắn* sẽ làm cho ta cảm thấy khó chịu, hay hình ảnh con quạ đang rỉa mồi nó cứ day đi day lại miếng mồi, tất cả những hoạt động của loài vật này được dùng để thể hiện trạng thái tâm lí buồn của con người. Như vậy, thành ngữ có yếu tố chỉ loài vật mượn những hình ảnh, thuộc tính của loài vật để nói về tình cảm, nói về con người, đôi khi còn thể hiện sự đánh giá hay sự phê phán kín đáo của người sử dụng ngôn ngữ đối với đối tượng biểu đạt.

- Tiểu miền trạng thái tâm lí sợ

Mô hình ánh xạ: HOẠT ĐỘNG CỦA LOÀI VẬT LÀ TRẠNG THÁI TÂM LÍ SỢ CỦA CON NGƯỜI.

Ví dụ: *"Len lén như rắn mồng năm"; "Sợ như bò thấy nhà táng"; "Nháo nhác như gà lạc mẹ"*

Theo dân gian Việt Nam, vào ngày mồng năm tháng năm âm lịch hay còn được gọi là Tết Đoan Ngọ là ngày "diệt sâu bọ", người dân Việt Nam thường làm bánh trái, xôi chè và bày hoa quả cúng tế mục đích là diệt trừ sâu bọ. Cứ đến ngày này người dân thường đi tìm rắn để giết. Cho nên hễ cứ đến ngày mồng năm tháng năm các loài rắn rết thường nấp mình vào trong hang không dám ngóc đầu lên vì sợ bị giết. Nhà táng được làm bằng giấy hoặc vải, có trang trí và được úp trên quan tài khi đưa đám ma. Vì vậy, trong mắt con bò, cái nhà táng chẳng khác nào con quái vật, to lớn, màu sắc sặc sỡ, thế nên, khi phải đi ngang qua nhà táng, thì con bò sợ hết hồn hết vía. Ngoài ra một số từ điển khác cho rằng, vì đám ma hay mổ bò, nên khi nhìn thấy nhà táng thì con bò lo sợ đến lượt nó bị người ta làm thịt. Chúng ta nhìn thấy hình ảnh quen thuộc trên những sân vườn, ruộng đồng ở vùng thôn quê Việt Nam đó là gà con khi bị lạc khỏi đàn gà mẹ, với những tiếng kêu chíp chíp nháo nhác tìm gà mẹ khắp nơi. Thông qua những hoạt động của loài vật được dùng để miêu tả tâm lí sợ hãi của người.

- Tiểu miền trạng thái tâm lí giận

Mô hình ánh xạ: HOẠT ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI TÁC ĐỘNG ĐẾN LOÀI VẬT LÀ TRẠNG THÁI TÂM LÍ GIẬN CỦA CON NGƯỜI

Ví dụ: *"Giận cá chém thớt", "Chửi chó mắng mèo", "Đá mèo quèo chó"*

Người ta thấy thực tế là tâm lí của con người khi mà bực bội hay giận dữ thì thường làm những việc mà mình kiểm soát không được, có tính chất vu vơ, để thỏa cơn tức đó mà thôi, đó cũng chính là

lí do mà con người chọn những hình ảnh như: *chửi, đá, chém* để biểu lộ trạng thái tình cảm của con người. Ví dụ: khi nhìn thấy hình ảnh có một người đang làm con *cá* còn sống như đánh vảy, mổ bụng cá nhưng nó lại giãy nảy lên khiến ta khó làm. Chính vì thế ta sẽ cảm thấy bực mình nếu vài lần hạ đao mà không giết được con cá, vì thế ta cố chém cho thật mạnh cho dù có trúng hay không trúng cho hả cơn tức giận, hành động này biểu trưng cho trạng thái tâm lí tức giận một người nào đó nhưng không làm được gì bèn trút sự bực tức tới người khác hoặc những thứ khác có liên quan.

- Tiểu miền trạng thái tâm lí vui

Mô hình ánh xạ: TRẠNG THÁI CỦA LOÀI VẬT LÀ TRẠNG THÁI TÂM LÍ VUI CỦA CON NGƯỜI.

Ví dụ: *"Vui như sáo"; "Cú có vọ mừng"*

Con sáo bản thân nó là loài chim bay lượn khắp mọi nơi, nó bay lên cành và chuyền từ cành này sang cành khác. Hay hình ảnh con cú vui mừng trước kết quả của đồng loại. Người Việt Nam đã mượn những hình ảnh được lựa chọn của các loài vật này để ẩn dụ cho một trạng thái tâm lí vui mừng của con người.

b) Thành ngữ có yếu tố chỉ loài vật được dùng để nói về tính chất của con người

- Tiểu miền tính cách

Mô hình ánh xạ: NHẬN THỨC ĐÁNH GIÁ CỦA CON NGƯỜI VỀ LOÀI VẬT LÀ NHẬN THỨC ĐÁNH GIÁ TÍNH CÁCH CỦA CON NGƯỜI.

Tính cách độc ác, ví dụ: *"Ác như hùm", "Như hổ như báo", "Phường lang rợ sói"*

Hổ hay còn gọi là cọp, hùm, chúa sơn lâm, hình tượng của hổ đã xuất hiện từ lâu và gắn bó với lịch sử của loài người. Hổ gợi lên những liên tưởng về sức mạnh, sự thanh thế, oai linh, vẻ đẹp huyền bí với đặc tính tiêu biểu của nó là hung hãn, thú tính của một dã thú là động vật săn mồi hàng đầu. Chính đặc trưng này của loài hổ đã được người xưa đưa vào thành ngữ để biểu thị loại người có tính cách độc ác.

Tính cách hai mặt,ví dụ: *"Khẩu phật tâm xà", "Mặt người dạ thú"*

Thành ngữ *"Khẩu phật tâm xà" khẩu* là hoán dụ chỉ hoạt động nói năng với ý nghĩa khái quát, là sự thể hiện ra bên ngoài của con người. *Khẩu Phật* là cách ứng xử nói năng hiền lành từ tốn. *Tâm* là lòng dạ thuộc phần bên trong của con người không thể thấy được nhận ra được. *Xà* là rắn, là loại động vật có nọc độc có thể làm chết người. Như vậy sự đối lập *khẩu Phật* với *tâm xà* biểu thị tính chất hai mặt của con người, bên ngoài thì hiền lành từ tốn nhưng bên trong là sự độc ác hại người.

Thành ngữ *"Miệng hùm gan sứa" miệng* cũng như khẩu ở trên hoán dụ để chỉ hoạt động nói năng hay cách ứng xử của con người. *Hùm* là loài động vật có sức mạnh, có quyền uy trong rừng xanh. Nói *miệng hùm* là nói sự thể hiện lời nói bên ngoài có vẻ oai hùng, quyền lực còn gan là bộ phận hoán dụ để chỉ sự can đảm, sức mạnh, tinh thần (gan dạ, can đảm...). *Sứa* là một loài động vật nhuyễn thể ở dưới thân mềm nhũn, thường biểu trưng cho sự yếu đuối, chính vì vậy thành ngữ *"Miệng hùm gan sứa"* cũng biểu thị tính chất hai mặt của con người, bên ngoài thì có vẻ mạnh mẽ uy quyền nhưng bên trong thì yếu đuối, nhút nhát.

Tính cách ngang bướng, ví dụ: *"Ngang như cua", "Như ngựa bất kham"*.

Đặc tính của con cua là bò ngang, còn con ngựa bất kham là con ngựa hung dữ, nó không chịu bị con người đè đầu cưỡi cổ, nên rất khó mà thuần hóa được nó, nếu con người cứ cố mà thuần hóa nó sẽ rất nguy hiểm, vì khi nó tức giận nếu không may bị nó hất xuống đất hay bị đá sẽ rất nguy hiểm đến tính mạng của mình. Chính vì đặc điểm này của con ngựa được dùng để ẩn dụ cho người có tính cách ngang bướng, khó trị.

Tính cách nhanh nhẹn, ví dụ: *"Nhanh như sóc", "Nhanh như cắt"*.

Sóc, chim cắt vốn là những loài vật chạy và bay rất nhanh, nó hoạt động nhanh đến nỗi chỉ thoáng trong một chớp mắt là chúng ta đã không thể nhìn thấy chúng. Người Việt Nam đã mượn tính chất nhanh của các loài vật này để thể hiện cho người có tính cách nhanh nhẹn.

Tính cách chậm chạp, ví dụ: *"Chậm như rùa", "Chậm như sên", "Lạch bạch như vịt bầu"*.

Ốc sên, rùa khoác trên mình những chiếc mai rùa, những chiếc vỏ ốc có lẽ vì trọng lượng quá nặng đã đè lên mình như vậy, nên những loài vật này bò rất chậm; vịt bầu cũng vậy chạy lạch bạch lạch bạch trông rất chậm chạp. Tất cả hành động trên được dùng để miêu tả cho những người có tính cách quá chậm chạp giống như những loài vật này.

Tính cách tham lam, ví dụ: *"Con rô cũng tiếc, con giếc cũng muốn", "Tham con giếc tiếc con rô", "Có cá mòi, đòi cá chiên"*.

Cá rô loại cá rất thường gặp trên các đồng ruộng ở nước ta. Nhân dân ta thường tát đồng để bắt cá rô, cá rô đồng có thịt béo, thơm, dai, ngon dù hơi nhiều xương. Trong khi đó *cá giếc* là loại cá trắng nước ngọt, mắt có viền đỏ, thân dẹt hai bên, có màu bạc, sống phổ biến ở ao hồ, ruộng. Thịt của loài cá này thơm ngon nhưng nhiều xương dăm. Hai loài cá này cùng xuất hiện trong thành ngữ ẩn dụ cho tính tham lam, muốn được tất cả nhưng không muốn bỏ ra thứ gì.

- Tiểu miền trí tuệ

Mô hình ánh xạ: SỰ ĐÁNH GIÁ VỀ ĐẶC TÍNH LOÀI VẬT LÀ SỰ ĐÁNH GIÁ TÍNH CHẤT TRÍ TUỆ CỦA CON NGƯỜI.

Tính chất ngu dốt, ví dụ: *"Ngu như bò", "Dại như chó"*.

Từ xưa cho đến nay, nhóm loài vật nuôi vốn có mối quan hệ rất thân thiết, gắn bó và gần gũi với con người, chẳng hạn như: con bò là con vật gắn với nghề nông nghiệp, quen thuộc với người dân, trong khi đó con chó là loài vật thân thiết gắn bó từ rất lâu đời với con người, những đức tính của chó được tôn vinh như: trung thành, thông minh, quan tâm đến chủ… nó là bạn gần gũi của con người. Tuy là những con vật rất có ích đối với con người như vậy, nhưng khi chúng được phản ánh vào ngôn ngữ, tên gọi của chúng được đưa ra làm nhiều chuẩn mực so sánh, phần lớn thường mang nhiều nghĩa tiêu cực.

Tính chất yếu kém, ví dụ: *"Nước đổ đầu vịt", "Đàn gảy tai trâu"*.

Đầu con vịt đã thọn, lại hơi nhô. Lông ở đầu vịt thường dày và mượt, cho nên nước đổ lên đầu vịt cứ trôi hết và chẳng thấm vào đâu được. Chính vì hiện tượng này làm cho người ta liên tưởng đến việc không tiếp thu lời khuyên bảo của một số người, có nghĩa là khi dùng lời nói của mình để khuyên bảo một ai đó mà người đó không hiểu hay không có tác dụng gì đối với họ, cảm thấy phí công sức mà mình bỏ ra. Trâu là loài vật có tính chất là ngu ngốc, là loài động vật không biết thưởng thức âm nhạc, nếu lấy đàn gảy cho trâu nghe thì thật là uổng phí. Hình ảnh này ẩn dụ cho việc làm là đem những lí lẽ cao siêu nói cho người ngu ngốc.

"Ếch ngồi đáy giếng", "Như vịt nghe sấm": Loài ếch thường hay sống trong giếng nước, nó sống lâu trong cái giếng nhỏ hẹp nên cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng cái vung. Ngày nào cũng thấy như vậy nên nó khẳng định bầu trời chỉ to như vậy mà thôi. Với sự trải nghiệm của người xưa đã mượn những hình ảnh của loài vật để bóng gió, kín đáo nói về chuyện con người, ngầm phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp mà lại hay huênh hoang, khoác lác.

"Học như cuốc kêu mùa hè","Học như gà đá vách": Tiếng kêu của con chim cuốc thường thích kêu vang cuốc...cuốc..., vào mùa hè cứ kêu ra rả, liên tục, ồn ào. Hay tiếng gà đá vào vách tường là những âm thanh cạch cạch liên tục không ngừng. Tất cả những hoạt động đó dùng để ví cho hoạt động là học gạo, đọc to ra rả suốt ngày, tuy học rất vất vả nhưng ít có hiệu quả gì.

"Trông gà hóa cuốc", "Vẽ rồng nên giun": Người Việt Nam đã chọn hai loài vật gần giống nhau như: gà - cuốc, rồng - giun để thể hiện cho trình độ yếu kém của con người. Chẳng hạn như: *cuốc* là một loại chim trong họ Gà nước. Cuốc chạy giỏi nhưng bay kém, cuốc làm tổ trong các bụi lau sậy hay trong bụi rậm bên bờ nước cách mặt đất không cao lắm. *Gà đồng* cũng thuộc loài chim thuộc họ Gà nước và nó cũng làm tổ ở vùng cỏ cây gần bờ nước, bởi thế gà đồng dễ nhầm với cuốc. Chính vì thế, thành ngữ *"Trông gà hóa cuốc"* dùng để chỉ người không tinh tường, hoặc không tỉnh táo nên mới nhầm lẫn sự vật này sang sự vật khác.

- Tiểu miền thể lực

Mô hình ánh xạ: SỰ ĐÁNH GIÁ VỀ THỂ LỰC CỦA LOÀI VẬT LÀ SỰ ĐÁNH GIÁ VỀ THỂ

LỰC CỦA CON NGƯỜI.

Thể lực khỏe mạnh, ví dụ: *"To như voi", "Mạnh như hổ"*.

Hổ và voi là những con vật có ngoại hình to lớn, khỏe mạnh được dùng để thể hiện cho người có thể lực khỏe mạnh.

Thể lực ốm yếu, ví dụ: *"Yếu như sên", "Yếu trâu hơn khỏe bò"*.

c) Thành ngữ có yếu tố chỉ loài vật được dùng để nói về hoạt động của con người

Thành ngữ có yếu tố chỉ loài vật được dùng để nói về hoạt động của con người bao gồm 33 thành ngữ liên quan đến hai tiểu miền: hoạt động nguy hiểm, hoạt động không hữu ích.

- Tiểu miền hoạt động nguy hiểm

Mô hình ánh xạ: HOẠT ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI TÁC ĐỘNG ĐẾN LOÀI VẬT HOANG DÃ LÀ MỘT VIỆC LÀM NGUY HIỂM.

Ví dụ: *Cưỡi lên lưng hổ", "Vuốt râu hùm", "Dưỡng hổ di họa", "Cõng rắn cắn gà nhà", "Thả hổ về rừng"*.

Hành động của con người như: *cưỡi, vuốt* tác động lên những bộ phận cơ thể như: *đầu, lưng, râu* của một số loài vật hung dữ, độc ác: hổ, voi là thể hiện một việc làm hết sức nguy hiểm liên quan đến tính mạng của con người. Hay những hoạt động của con người như: *dưỡng, đuổi, rước, cõng, thả* dùng để tác động lên một số loài vật độc ác, nham hiểm: *hổ, sói, rắn* thể hiện một việc làm hết sức nguy hiểm. Chẳng hạn như: *nuôi* con hổ là một một việc làm nguy hiểm. Hành động này bắt nguồn từ câu chuyện có một người vào rừng bắt được cọp con và mang về nhà nuôi. Tuy chỉ được cho ăn cơm ăn rau, cọp con vẫn lớn nhanh như thổi. Vì cọp được nhặt từ hồi còn bé, nên người *nuôi* luôn đối xử với cọp giống như chó nuôi trong nhà. Nhưng không ngờ cọp giờ đã trưởng thành giơ móng vuốt và muốn vồ kẻ đã nuôi dưỡng mình. Hành động này có nghĩa là giúp đỡ nuôi dưỡng kẻ có tiềm lực, thực lực, nhưng bản tính độc ác thì sẽ là mối họa tương lai, hoạt động này biểu trưng cho việc làm nguy hiểm. Như chúng ta đã biết rắn là loài vật có nộc độc, nên nó thường gắn liền với tính chất là độc ác, nham hiểm. Hành động của con người là đem con rắn về nhà, chẳng khác nào là làm một việc làm hết sức nguy hiểm. Hay hổ là con vật sống trong rừng núi sâu thẳm, nếu con người chẳng may *thả* hổ về rừng cũng là làm một việc quá sức mạo hiểm.

Mô hình ánh xạ: TÌNH TRẠNG CỦA LOÀI VẬT LÀ HOÀN CẢNH NGUY HIỂM CỦA CON NGƯỜI.

Ví dụ: *"Cá nằm trên thớt", "Chim đậu phải nhựa", "Chim trên lửa, cá dưới dao"*.

Chúng ta vẫn thường thấy hình ảnh *cá, chim* là những đàn chim tự do bay lượn trên bầu trời bao la, đàn cá tung tăng bơi lội dưới nước. Nhưng khi thấy hình ảnh những loài vật này không được sống trong môi trường sống vốn có của nó, mà lại sống trong những môi trường khác như: *thớt, dao, lửa, nhựa* thì lại biểu hiện một môi trường sống nguy hiểm, tù túng.

- Tiểu miền hoạt động không hữu ích

Mô hình ánh xạ: TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI ĐẾN LOÀI VẬT LÀ MỘT VIỆC LÀM VÔ ÍCH.

Ví dụ: *"Bắt cóc bỏ đĩa", "Bịt mắt bắt chim", "Dạy khỉ leo cây"*.

d) Thành ngữ có yếu tố chỉ loài vật được dùng để nói về ngoại hình của con người

Thành ngữ có yếu tố chỉ loài vật được dùng để nói về ngoại hình của con người bao gồm 20 thành ngữ liên quan đến hai tiểu miền: được đánh giá tích cực, được đánh giá tiêu cực.

Mô hình ánh xạ: SỰ ĐÁNH GIÁ HÌNH THỨC BÊN NGOÀI CỦA LOÀI VẬT LÀ SỰ ĐÁNH GIÁ HÌNH THỨC BÊN NGOÀI CỦA CON NGƯỜI.

- Tiểu miền ngoại hình được đánh giá tích cực. Ví dụ: *"Da ngà mắt phượng", "Mày ngài mắt phượng", "Thắt đáy lưng ong"*.

Một số loài vật hoặc bộ phận cơ thể của loài vật được người Việt đánh giá đẹp. Chim phượng là loài chim quý thường dùng để ví cho vẻ đẹp, quyền quý của phái nữ. *Đôi mắt* phượng là mắt có tròng đen nhiều hơn trắng và rạch ròi. Mắt có chiều ngang hẹp và đầu mắt không nhọn nhưng đuôi mắt rất nhọn, mắt có hai mí rõ, mắt phượng hay còn gọi là Phụng nhãn, còn *ngà* voi có màu trắng ngà rất

đẹp. Ông cha ta dùng những BPCT của các con vật cao quý để chỉ những người có nét đẹp cao sang, quý phái. Chúng ta vẫn thường nhìn thấy hình ảnh của những chú ong bay đi kiếm mật, ngoại hình của con ong là đầu nhỏ phần lưng dài ở phần thắt lưng có đoạn *eo* rất nhỏ, dân gian đã dùng chính điểm này để miêu tả vóc dáng người con gái với phần eo nhỏ như eo của con ong vậy.

- Tiểu miền ngoại hình được đánh giá tiêu cực

Ví dụ: "Đen như quạ", "Xấu như cú", "Mắt cá da lươn","Mắt to như ốc nhồi"

Chim quạ, chim cuốc, chim cú là những loài chim có bộ lông đen xì, và con người thường không có cái nhìn thiện cảm với các loài vật này, vì nó vừa xấu xí, hôi hám, bẩn thỉu, đen thủi... Người dân Việt Nam dùng những tính chất tiêu biểu của các loài này để miêu tả người có ngoại hình xấu xí. Dân gian đã lấy những BPCT tiêu biểu như: *mắt, da, đầu*... của một số loài vật để biểu trưng cho người có ngoại hình xấu xí, chẳng hạn như: mắt cá thường nhỏ và ti hí, da lươn thường trơn và nhầy, mặt của con cú trông rất dữ tợn và xấu xí, hay da của con cóc thường có những đốm nhỏ sần sùi nổi lên. Chính những đặc điểm tiêu biểu này được dùng để minh họa cho những người có ngoại hình xấu xí.

4. Kết luận

Với kết quả có được từ việc phân tích nghĩa của thành ngữ, bài viết đã xây dựng mô hình ẩn dụ tri nhận các thành ngữ có yếu tố chỉ loài vật trong tiếng Việt. Từ sự đa dạng trong kết cấu ngữ nghĩa cũng như nghĩa ẩn dụ của các từ ngữ trong thành ngữ có yếu tố chỉ loài vật, chúng tôi đã thiết lập các mô hình ánh xạ từ miền nguồn LOÀI VẬT đến các miền đích CON NGƯỜI. Những mô hình ẩn dụ tri nhận miền nguồn loài vật sang những miền đích trừu tượng khác nhau đã cho chúng ta một cái nhìn lí thú về bức tranh ngôn ngữ trong tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Thiện Giáp (2003), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
2. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Nxb Khoa học Xã hội.
3. Hoàng Văn ành (2004), *Thành ngữ học tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội.
4. Phan Văn Hòa (2011), *"Ẩn dụ ý niệm "TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH" trong tiếng Anh và tiếng Việt"*, Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, Số 9(191), tr.15-19.
5. Hoàng Phê (Chủ biên) (2002), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
6. Nguyễn Như Ý, 1999, *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin.

Tiếng Trung Quốc

7. 赵艳芳 (Triệu Diễm Phương), (2001), *认知语言学概论,* 上海外语教育出版社.

Idioms with elements referring to animals in Vietnamese language from perspective of cognitive linguistics theory

Abstract: The meaning of an idiom is not the literal meaning of the words, but is usually symbolic and generalized. That's why the meaning of idioms creates a wide range of meaning. For groups of idioms with elements referring to animals expressing the same meaning, we refer to one semantic category. From these semantic categories, we can establish the conceptual domains represented by the idioms. We proceed to establish the conceptual domains covered by idioms with elements referring to animals. Accordingly, we delve deeper into the semantic relationship between the source domain and the target domain according to the cognitive theory of metaphor.

Key words: idioms with elements referring to animals; meaning; symbolize; cognitive metaphor; semantic category.